TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-ST
Ngày: 27-8-2019
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 119/2018/TLST-DS, ngày 28 tháng 12 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng dân sự về đòi lại tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2019/QĐST- DS, ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Tư Q sinh năm 1967 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện T, tỉnh T.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Út H, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện T, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2018 và tại phiên toà, nguyên đơn ông Lê Tư Q trình bày:

Vào ngày 26/4/2018 (dl), ông có đứng ra vay tiền tại Ngân hàng BIDV với số tiền 100.000.000 đồng dùm cho ông Nguyễn Văn Út H, ông có viết một tờ cam kết về việc cho ông H nhận số tiền trên, ông H có ký tên vào tờ cam kết; thời hạn vay là 11 tháng, theo thỏa thuận thì hàng tháng ông H phải đóng lãi cho Ngân hàng, nhưng ông H không đóng nên ông phải đóng lãi cho Ngân hàng hàng tháng, ông đã nhiều lần điện thoại, đến gặp ông H về số tiền trên nhưng ông H không có trả lời mà im lặng.

Nay, ông Lê Tư Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Út H có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 100.000.000 đồng và tính lãi từ ngày 26/4/2018 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bị đơn: Tại tờ tự khai ngày 12/01/2019, bản tự khai ngày 19/3/2019 và tờ cam kết ngày 13/9/2018, Ông Nguyễn Văn Út H thừa nhận vợ chồng có vay của ông Lê Tư Q số tiền 100.000.000 đồng, đồng ý trả ông Q 40.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại bản tự khai của bà Lê Thị Kim L năm 2019, bà L thừa nhận trong nợ chung của bà và ông Út H có phần nợ 100.000.000 đồng của ông Tư Q, bà yêu cầu ông Út H trả 50.000.000 đồng, bà đồng ý trả cho ông Q 50.000.000 đồng, nhưng tại bản tự khai ngày 14/6/2019, bà cho rằng số tiền ông H vay của ông Quan là nợ riêng của ông H, việc ông H vay của ông Q, bà không biết nên không đồng ý cùng trả số nợ trên với ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án dân sự "tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản", bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Tiểu Cần nên thuộc thẩm quyền của Tòa án huyện Tiểu Cần giải quyết.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có mặt tại phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, Ông Lê Tư Q vẫn giữ yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn Út H hoàn trả cho ông số tiền vay dùm là 100.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 26/4/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án, với mức lãi suất 9%/năm. Ông Nguyễn Văn Út H cũng thừa nhận có vay và nợ ông Q số tiền 100.000.000 đồng và thời gian chưa trả lãi như ông Q trình bày. Tại Tòa, ông chỉ đồng ý trả cho ông Q số tiền 40.000.000 đồng và yêu cầu bà L trả cho ông Q số tiền 60.000.000 đồng theo thỏa thuận tại tờ cam kết ngày 13/8/2018.

Bà Lê Thị Kim L không thừa nhận có nợ chung với ông H số tiền 100.000.000 đồng mượn của ông Q.

[2.1] Xét lời trình bày của ông H cho rằng trong số nợ 100.000.000 đồng vay của ông Q là nợ chung của vợ chồng thấy rằng: Vào ngày 26 tháng 4 năm 2018, ông H có nhờ ông Q vay ngân hàng dùm số tiền 100.000.000 đồng, số tiền này ông H vay trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà L đang còn tồn tại; mặc khác tại bản tự khai không ghi ngày tháng năm 2019, bà Lê Thị Kim L thừa nhận vợ chồng có nợ của ông Q 100.000.000 đồng và yêu cầu mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Q 50.000.000 đồng. Mặc khác tại tờ cam kết ly hôn, bà và ông H thỏa thuận chia tài sản chung đã xong, ông H chỉ có nghĩa vụ trả cho ông Quan 40.000.000 đồng, nhưng tờ cam kết này không có mặt và có sự đồng ý của ông Q, nên Hội đồng xét xử không coi là sự thỏa thuận hợp pháp giữa ông H và bà L.

Tại bản tự khai ngày 14/6/2019, bà khai không biết việc ông H vay của ông Q 100.000.000 đồng và không đồng ý cùng ông H trả số tiền trên cho ông Q là không có căn cứ để Tòa án chấp nhận.

Như vây, Tòa án có cơ sở khẳng định rằng số tiền ông H vay của ông Q 100.000.000 đồng ngày 26 tháng 4 năm 2018 là nợ chung của vợ chồng ông H và bà L và ông H bà L mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Q là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do ông Lê Tư Q không yêu cầu bà Lê Thị Kim L cùng ông H trả số tiền 100.000.000 đồng, nên Tòa án chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q, buộc ông H có nghĩa vụ trả cho ông Q 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất: Tại phiên tòa, ông Q yêu cầu tính mức lãi là 9%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Tòa án chấp nhận. Thời gian tính lãi từ ngày 26/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm là 27/8/2019 là 16 tháng, nên lãi suất được tính như sau: 50.000.000 đồng x 9 %/ năm x 16 tháng = 6.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Út H có nghĩa vụ trả cho ông Lê Tư Q tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi 6.000.000 đồng.

[3] Án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc Ông Nguyễn Văn Út H có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Tư Q số tiền 56.000.000 đồng (trong đó: vốn là: 50.000.000 đồng và tiền lãi là 6.000.000 đồng).

Kể từ ngày 28/8/2019, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Út H phải chịu 2.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Lê Tư Q phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng tại biên lai số 0001190 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, nên ông Q không phải nộp nữa.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi ành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 7c và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tiểu Cần ;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Những người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Long